TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21/8/2023
V/v "tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn giữa chị Th với anh B"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T – TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Tư Duy
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Giáp Hồng Thanh;
Ông Nguyễn Quốc Sửu.

- Thư ký phiên toà: Bà Vi Thị Lan Phương - Thư ký Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà*:** Bà Dương Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 117/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2023 về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 155/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 142/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11/8/2023, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Trần Thị Th, sinh năm 1984 (có mặt)
Nơi cư trú: thôn Kh, xã Ng, huyện T, tỉnh Bắc Giang
* Bị đơn: Anh Giáp Duy B, sinh năm 1982 (vắng mặt)
Nơi cư trú: thôn T, xã C, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/5/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Th trình bày:

Chị kết hôn cùng anh Giáp Duy B vào năm 2011, trong thời gian chung sống chị với anh B sinh được 02 con chung là cháu Giáp Khánh L, sinh ngày 04/4/2012, Giáp Khánh H, sinh ngày 21/7/2019. Do vợ chồng chung sống có nhiều mâu thuẫn nên năm 2020 chị với anh B đã giải quyết ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện T, theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 196/2020/QĐST-HNGĐ ngày 19/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện T đã công nhận thuận tình ly hôn giữa chị và anh B. Theo quyết định trên thì chị và anh B thỏa thuận, chị là người trực tiếp nuôi con chung là cháu Giáp Khánh H, sinh ngày 21/7/2019, anh B trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Giáp Khánh L, sinh ngày 04/4/2012. Nhưng quá trình anh B nuôi con kể từ

khi ly hôn cho đến nay không đảm bảo, anh B thường xuyên mắng chửi con một cách vô cớ. Đặc biệt, ngày 23/4/2023 khi con lợn đất của con L bị mất tiền, anh B đã tra khảo và dùng gậy đánh con gây nhiều vết thương. Không những thế anh B còn đập vỡ điện thoại mà chị mua cho con. Sau khi sự việc xảy ra, chị đã làm đơn đến Công an xã C để giải quyết. Sau sự việc trên, con L đã bị tổn thương về tinh thần rất lớn, lúc nào cũng hoang mang lo sợ, tâm lý không ổn định. Hiện nay con L đang được chị nuôi dưỡng.

Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, chị yêu cầu anh B giao con L cho chị nuôi và yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con L với mức 2.000.000 đồng/ 01 tháng kể từ khi xét xử đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị xác định điều kiện nuôi con của chị tốt hơn anh B, hiện chị đang làm công nhân tại Công ty may tại xã C, huyện T, thu nhập trung bình 10.000.000 đồng/tháng, ngày làm việc từ 07 giờ 30 phút đến 18 giờ, chị đang thuê trọ ở gần nhà, khi chị đi làm thì bố mẹ chị phụ giúp chị trông nom, chăm sóc các cháu. Do đó, chị xác định có đủ điều kiện để nuôi con.

Tại phiên tòa, chị Th có mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện trên.

* Tại bản tự khai ngày 24/5/2023 và những lời khai tiếp theo, bị đơn anh Giáp Duy B trình bày:

Anh nhất trí với trình bày của chị Th về thời gian kết hôn, thời điểm ly hôn, về con chung và người trực tiếp nuôi con chung theo Quyết định của Tòa án. Sau khi ly hôn, anh trực tiếp nuôi con chung là Giáp Khánh L, sinh ngày 04/4/2012, khi anh nuôi con thì vẫn đảm bảo về mọi mặt, thi thoảng anh có mắng con, nhưng vì con L đang tuổi lớn, thay đổi nhiều về tâm lý nên anh phải uốn nắn thường xuyên. Khi anh trực tiếp nuôi con thì anh thường xuyên cho chị Th thăm nom và đón con đi chơi hoặc về ở cùng mẹ vài ngày.

Anh xác định quá trình nuôi con đến ngày 23/4/2023, anh có cho con L về chơi với chị Th vài hôm. Trước đó con L có con lợn đất đựng tiền mừng tuổi, khi con về nhà thì anh thấy con lợn đất bị vỡ và bị mất tiền. Anh có hỏi con thì con L có bảo lấy tiền đi mua quà cho mẹ, mua đồ dùng. Khi đó anh nghĩ con nói không trung thực nên có mắng và tát con vài cái. Sau đó chị Th có báo Công an xã C giải quyết và Công an có nhắc nhở anh.

Nay anh thừa nhận có nóng giận và đánh con là không đúng, tuy nhiên theo anh thì phương pháp giáo dục con của anh là chưa phù hợp. Còn thực tế từ trước đến nay anh vẫn đảm bảo nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con đầy đủ. Nay chị Th yêu cầu thay đổi nuôi con thì anh không đồng ý. Anh xác định có đủ điều kiện để nuôi con, hiện anh đang lái xe thuê, thu nhập hàng tháng khoảng 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng, thời gian làm việc không ổn định, ai thuê thì làm, khi anh đi làm thì bố mẹ anh giúp anh trông nom, chăm sóc cháu.

Nếu Tòa án giao con cho chị Th nuôi thì anh chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con với mức 1.000.000 đồng/ tháng.

Tại phiên tòa, anh B vắng mặt.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/5/2023, cháu Giáp Khánh L có nguyện vọng được ở với mẹ, khi Tòa án lấy lời của cháu L thì đều có mặt chị Th, anh B

giám hộ và chứng kiến trình bày của cháu.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán: thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, xác định mối quan hệ tranh chấp, những người tham gia tố tụng đúng, đủ; tiến hành thu thập chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hoà giải, tống đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tung dân sự (BLTTDS); Hội đồng xét xử (HĐXX) đảm bảo về thành phần, nguyên tắc xét xử; tại phiên toà HĐXX đã thực hiện đủ, đúng các quy định của BLTTDS về phiên tòa sơ thẩm; Thư ký chấp hành đúng quyền hạn, trách nhiệm theo quy định; Nguyên đơn, bị đơn có ý thức chấp hành các quy định của BLTTDS. Về nội dung vụ án, sau khi phân tích Kiểm sát viên đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Th. Do không chấp nhận yêu cầu thay đổi nuôi con của chị Th nên không xem xét đến việc cấp dưỡng nuôi con của chị Th. Chị Th phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền:

Đây là vụ án tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại khoản 3 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và bị đơn cư trú tại xã C, huyện T. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thì vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T.

[2]. Về tố tụng: Anh B đã được tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Xét yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con của chị Th thì thấy:

Các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện: chị Th kết hôn cùng anh B năm 2011, đã sinh được 02 con chung là cháu Giáp Khánh L, sinh ngày 04/4/2012, Giáp Khánh H, sinh ngày 21/7/2019. Do vợ chồng chung sống có nhiều mâu thuẫn nên năm 2020 anh B với chị Th đã giải quyết ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện T, theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 196/2020/QĐST-HNGĐ ngày 19/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện T đã công nhận thuân tình ly hôn giữa anh Giáp Duy B và chị Trần Thị Th. Theo quyết định anh B, chị Th thỏa thuận, anh B là người trực tiếp nuôi con chung là cháu Giáp Khánh L, sinh ngày 04/4/2012, chị Th trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Giáp Khánh H, sinh ngày 21/7/2019.

Về quá trình nuôi con của anh B, chị Th kể từ khi ly hôn đến nay: sau khi ly hôn anh B được giao trực tiếp nuôi con L, anh B đã nuôi dưỡng, chăm sóc con đảm bảo, nhưng cách dạy bảo con của anh B chưa phù hợp, đặc biệt ngày 23/4/2023 anh B đã đánh đập con L, nên chính quyền địa phương đã phải nhắc

nhở. Đối với chị Th sau khi ly hôn được giao trực tiếp nuôi con Huyền. Ngoài việc chăm sóc tốt cho con mà mình trực tiếp nuôi dưỡng thì chị Th còn có trách nhiệm đóng góp tiền học phí, các khoản đóng góp của nhà trường đối với con mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng, kể từ tháng 4/2023 đến nay chị Th là người trực tiếp nuôi con L.

Về điều kiện nuôi con: Chị Th hiện đang làm tại Công ty gần nhà, thu nhập trung bình 10.000.000 đồng/ tháng. Đối với anh B hiện đang lái xe thuê, công việc không ổn định thu nhập khoảng 5.000.000 đồng/ tháng.

Về nguyện vọng của con: tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 24/5/2023 thì cháu Giáp Khánh L có nguyện vọng được ở với mẹ.

Từ các dẫn chứng trên, Hội đồng xét xử thấy: Chị Th đang làm tại Công ty, có thu nhập ổn định. Mặt khác, con L đang được chị Th nuôi dưỡng, cháu L có nguyện vọng được ở với mẹ và cháu L là nữ nên chị Th là mẹ thì có điều kiện chăm sóc tốt hơn anh B. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu thay đổi nuôi con của chị Th đối với con L.

[4]. Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị Th Thì thấy:

Chị Th xác định chi phí thiết yếu cho con L mỗi tháng là 2.000.000 đồng và yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con với mức 2.000.000 đồng/tháng kể từ ngày xét xử 21/8/2023 đến khi con chung đủ 18 tuổi, anh B chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con với mức 1.000.000 đồng/tháng. Xét thấy, anh B hiện lái xe thuê, công việc không ổn định, có mức thu phập từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng/tháng, ngoài việc cấp dưỡng nuôi con thì anh B phải lo cho gia đình. Mặt khác, qua xác minh tại Trường tiểu học xã C được biết, các khoản đóng góp của cháu L tại nhà trường gồm vệ sinh lao công, nước uống, hỗ trợ cơ sở vật chất nhà trường, sách vở đồ dùng học tập..., tổng các khoản phải đóng trong năm học khoảng 1.200.000 đồng. Ngoài ra, việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con để nhằm mục đích bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con và hỗ trợ một phần tài sản cho con khi cấp dưỡng. Như vậy, yêu cầu cấp dưỡng của chị Th là cao, không phù hợp, do đó không có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Th, mà chỉ chấp nhận một phần yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị Th. Buộc anh B cấp dưỡng nuôi con Giáp Khánh L, sinh ngày 04/4/2012 với mức 1.000.000 đồng/tháng, kể từ ngày 21/8/2023 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi là phù hợp.

[5]. Về án phí: anh B phải chịu án phí án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 28; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 6 Điều 27

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Th về việc thay đổi nuôi con:

Giao con chung Giáp Khánh L, sinh ngày 04/4/2012 cho chị Trần Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Th về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Buộc anh Giáp Duy B phải cấp dưỡng nuôi con Giáp Khánh L, sinh ngày 04/4/2012 với mức 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/ 01 tháng, kể từ ngày 21/8/2023 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: anh Giáp Duy B phải chịu 300.000 đồng án phí thay đổi nuôi con và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm. Hoàn trả chị Trần Thị Th số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Th đã nộp theo biên lai số 0004849 ngày 10 tháng 5 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện T;
- CC THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Tư Duy